TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-10-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị T,** sinh năm 1982;

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn x, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Anh Trương Văn T**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh T đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Trương Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 02/10/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình bố mẹ chồng ở thôn A, xã T, huyện V. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T rượu chè, cờ bạc, về nhà đánh đập, chửi bới vợ con. Chị đã nhiều lần đưa con về nhà mẹ đẻ chị ở, anh T nhiều lần đến tìm chị về, chị về được một thời gian nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi, uống rượu say, về lại nhận nhà là của anh T, đuổi chị ra khỏi nhà. Khi chị đi làm phải tăng ca, về muộn về nhà anh T cũng hoạnh họe, chửi bới chị, ngoài ra còn nhiều lý do khác nữa nên chị cảm thấy căng thẳng, không thể chịu được. Đến giữa năm 2014, vì không thể chịu đựng được nữa, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần, nhưng không đoàn tụ được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trương Minh T, sinh ngày 01/6/2000; con Trương Thanh T, sinh ngày 23/10/2007 và con Trương Công N, sinh ngày 18/7/2011. Con Trương Minh T hiện nay đã trưởng thành, đã đi làm có thu nhập riêng nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi 02 con là Trương Thanh T và Trương Công N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm giáo viên dạy may trong Công ty TNHH may D – Khu công nghiệp B, huyện V, tỉnh Nam Định, thu nhập khoảng từ 7 triệu đến 10 triệu đồng/01 tháng. Chị T có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con nên chị hoàn toàn có khả năng nuôi con. Năm 2014 do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đưa con N về nhà bố mẹ đẻ chị từ năm 2014, còn cháu T ở với bố và bà nội. Đến năm 2015 anh T lại đưa con T đến nhà bố mẹ đẻ chị để trả cho chị nuôi dưỡng. Trong quá trình nuôi 02 con, chị đảm bảo các con phát triển khỏe mạnh, học tập tốt.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ hay cho ai vay nợ tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu, chứng cứ xuất trình và tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn T trình bày như sau:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị tai nạn, không làm ra tiền, kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, mâu thuẫn. Nhiều lúc khó khăn, anh nóng tính nên có đánh chị T. Chị T có đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh tìm về nhưng chị T không về và cũng không gặp anh để nói chuyện. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì nghĩ đến tương lai của 3 con nên anh không muốn ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Vì chị T đi làm về muộn, anh ở nhà phải cơm nước, con cái, đợi vợ lâu nên sinh ra uống rượu. Bây giờ, con anh chị đã lớn nên anh không cần chị về sớm nên chị về muộn anh cũng chấp nhận, anh không có ý kiến gì. Anh chỉ cần không ly hôn để con cái không phải khổ. Anh thừa nhận anh thường xuyên uống rượu và thỉnh thoảng đến nhà bố mẹ chị T chởi bới.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung như chị T đã trình bày. Việc chị T trình bày về quá trình nuôi con như trên là chưa đúng vì đến năm 2014, khi bố đẻ anh mất mẹ đẻ chị T mới đưa con N về nhà ngoại, không cho cháu để tang ông nội. Từ đó anh mới sinh ra thù hận. Đến giữa năm 2015 chị T mới đưa con N về nhà ngoại, đến năm 2016 anh mới đưa con T cho chị T nuôi với mục đích để chị T bận bịu con cái phải về nhưng chị T vẫn không về. Nếu chị T cố tình ly hôn anh xin nuôi 01 con là con N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm thợ xây ở Hà Nội, nếu làm đều đặn thì thu nhập của anh khoảng gần 10 triệu/01 tháng. Nếu làm không đều thì thu nhập của anh được 250.000 đồng/01 ngày. Khoảng 3 tháng nay, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh không đi làm mà do mẹ anh nuôi anh. Nếu được nuôi con, mẹ anh sẽ có trách nhiệm trong việc trông nom, chăm sóc con.

Về tài sản: Vợ chồng sẽ đề nghị chia tài sản chung sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vợ chồng không vay nợ hay cho ai vay nợ tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại biên bản xác minh với UBND xã T, huyện V thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T, anh T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian khá dài thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T không biết cách cư xử với chồng và gia đình chồng, anh T thì thường xuyên rượu chè, say xỉn, về nhà chửi bới vợ. Do vợ chồng đã mâu thuẫn căng thẳng nên chị T đã đưa con về nhà ngoại ở từ lâu. Về con chung: Chị T, anh T có 03 con chung là Trương Minh T, Trương Thanh T và Trương Công N. Hiện nay con T đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, có

khả năng tự lập. Hai con nhỏ hiện đang ở với chị T, nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì chị T có điều kiện chăm sóc con tốt hơn.

*/ Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Đỗ Văn T - bố đẻ của chị T thể hiện: Chị T và anh Tcó thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T rượu chè, đánh đập và đuổi chị T đi. Chị T và các con phải xuống nhà ông ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Anh T thỉnh thoảng đến nhà ông gây sự, chửi bới ầm ĩ. Nay chị T xin ly hôn anh T, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để chị T yên ổn làm ăn vì nếu quan hệ hôn nhân kéo dài thì chịu T và các con sẽ rất khổ. Về con chung, việc thỏa thuận về vấn đề nuôi con do vợ chồng tự quyết định. Nếu chị T được nuôi cả hai con, gia đình ông sẽ giúp đỡ chị T trong việc chăm sóc các con chung. Gia đình ông có chỗ ở ổn định đã cho mẹ con chị Tsinh sống từ năm 2013 đến nay.

*/ Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là bà Mai Thị M là mẹ đẻ của anh T thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh T chung sống một thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, anh T sức khỏe yếu nên thu nhập bấp bênh sinh ra rượu chè nhiều, chửi bới vợ con và mọi người. Do vậy, nhiều lần chị T đưa con về nhà ngoại ở. Anh T nhiều lần đến nhà ngoại tìm vợ về, thời gian đầu chị T có về nhưng sau này chị T không về nữa, anh T bức xúc nên có xuống nhà bố mẹ vợ chửi bới. Nay chị T xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con. Nếu chị T cố tình xin ly hôn đề nghị chị T đưa con về cho gia đình bà nuôi. Hiện nay, anh T làm lao động tự do, thu nhập không ổn định. Chị T đi làm công ty, thu nhập ổn định, có điều kiện kinh tế và có sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ nên các con có cuộc sống ổn định, được học tập và phát triển tốt.

*/ Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Trương Thanh T và Trương Công N thể hiện: nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của hai cháu đều muốn ở với mẹ là chị T.

*/ Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Trương Văn T. Giao 02 con chung là Trương Thanh T và Trương Công N cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trương Văn T và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; chị T và anh T đều cư trú tại huyện V, tỉnh Thái Bình, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 vàkhoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh T thường xuyên rượu chè, về nhà mắng chửi vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, đánh cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả, chị T đã đưa con về nhà ngoại ở, anh T có đến tìm chị T về nhưng chị T chỉ về được mấy ngày rồi lại đi, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm đã lâu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là có thật, đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng nếu có đoàn tụ cũng không thể có hạnh phúc nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là Trương Minh T, sinh ngày 01/6/2000; Trương Thanh T, sinh ngày 23/10/2007 và Trương Công N, sinh ngày 18/7/2011. Con Trương Minh T hiện nay đã trưởng thành, đã đi làm có thu nhập nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với 02 con nhỏ, hiện nay các cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại. Anh T hay uống rượu, khi say rượu hay chửi bới lung tung cả vợ, bố mẹ vợ và mẹ đẻ; hiện nay anh T làm lao động tự do, công việc và thu nhập chưa ổn định, do vậy nếu giao con cho anh T sẽ không đảm bảo cho con có điều kiện phát triển tốt nhất. Chỉ T làm công nhân, thu nhập ổn định từ khoảng 7 đến 10 triệu đồng/01 tháng, chị T có sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc chăm sóc con, chị có đủ điều kiện nuôi cả hai con, nguyện vọng của hai con cũng muốn ở với chị T nên cần giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng không vay nợ hay cho ai vay nợ tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Trương Thanh T, sinh ngày 23/10/2007 và Trương Công N, sinh ngày 18/7/2011 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003047 ngày 08/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị T, anh Trương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/10/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã Trung An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương